

Số: 11/QĐ-THCSQT

Tiên Lăng, ngày 29 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu các khoản thu đầu năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS QUYẾT TIẾN

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở Giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 6495/SGDĐT-VP ngày 12/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường kỷ cương, công khai, minh bạch trong thực hiện các khoản thu tại cơ sở giáo dục năm học 2025-2026;

Căn cứ vào cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh trường THCS Quyết tiến, năm học 2025-2026, ngày 12/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu các khoản thu - chi đầu năm học 2025-2026 của Trường THCS Quyết Tiến (Theo phụ lục chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng Văn phòng kế toán và các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Lương Anh Khương



PHỤ LỤC

DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU TRƯỜNG THCS QUYẾT TIẾN NĂM HỌC 2025-2026

STT	Khoản thu	Định mức thu	Hình thức thu	Các căn cứ	Ghi chú
1	Bảo hiểm y tế	631.800 đồng/học sinh/năm	Thu hộ	Theo Công văn số 27/BHXXH ngày 13/8/2025 về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh năm học 2025-2026	Thu nộp hoàn thành vào tháng 11/2025
2	Kế hoạch nhỏ		Theo quy định	Quy vòòng tay bè bạn Căn cứ kế hoạch số 34/KH-LN ngày 12/9/2023 của Huyện đoàn - Phòng GD &ĐT huyện Tiên Lãng triển khai phong trào “kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027;	Hình thức quyền góp, vận động thu: Học sinh có thể thu gom giấy vụn, phế liệu, vỏ chai nước, vỏ lon nước ngọt... (sản phẩm quyền góp phải có giá trị tái sử dụng, thời gian lưu sản phẩm không gây ảnh hưởng đến môi trường) hoặc quyền góp sách, truyện, đồ chơi, quần áo...còn sử dụng được; Dự kiến thu phế liệu bán ra: 40.000đ/học sinh/năm.
3	Tiền gửi xe đạp	30.000đ/hs/tháng	Theo quy định	Nghị quyết số 08/2023, ngày 08/12/2023. Sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng Nhân dân Thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Thu thực tế theo học sinh đăng ký đi xe và thu theo tháng
4	Tiền nước uống	10.000đ/hs/tháng	Theo quy định		Thu làm 2 kỳ: Kỳ 1 hoàn thành vào tháng 12/2025; Kỳ 2 vào tháng 3/2026.



1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	39		1	35		1	2	3	19	10		39			
I	Giáo viên															
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	32			32				3	19	10		32			
1	Toán	6			6				1	1	4		6			
2	Lý	2			2					1	1		2			
3	Hóa	2			2				1		1		2			
4	Sinh	2			2					2			2			
5	Văn	4			4					3	1		4			
6	Sử	3			3				1	2			3			
7	Địa	2			2					1	1		2			
8	Tiếng Anh	4			4					3	1		4			
9	Thể dục	2			2					1	1		2			
10	Tin học	1			1					1			1			
11	Mĩ thuật	1			1					1			1			
12	Nhạc	1			1					1			1			
13	Công nghệ	1			1					1			1			
14	GDKT&PL	1			1					1			1			
II	Cán bộ quản lý	2		1	1					2			2			
1	Hiệu trưởng	1		1						1			1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1			1			

III	Nhân viên	5			2		1	2				5			
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1							1			
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên thư viện	1					1					1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1							1			
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Nhân viên BV	2						2				2			

2. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	18	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	18	-
1	Phòng học kiên cố	18	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	03	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp		-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	8 736 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	400 m ²	88
VI	Tổng diện tích các phòng	1 360 m ²	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Diện tích phòng học (m ²)	741 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	499 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	96 m ²	1,04
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	24 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	06	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	06	
1.1	Khối lớp 6 (Cũ)	02	
1.2	Khối lớp 7 (cũ)	02	
1.3	Khối lớp 8 (cũ)	02	
1.4	Khối lớp 9	02	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	05	
2.2	Khối lớp 7	05	
2.3	Khối lớp 8	04	
2.4	Khối lớp 9	01	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	16	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	
5	Thiết bị khác...		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
6			
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/dầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		02		02		02	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

UBND XÃ TIỀN LĂNG
TRƯỜNG THCS QUYẾT TIỀN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 01 /BB-THCS

Tiền Lăng, ngày 29 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
V/v thực hiện công khai đầu năm học 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở Giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số /QĐ- THCSQT ngày 29/09/2025 của Trường THCS Quyết Tiến về việc công khai các nội dung theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT;

Hôm nay, vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 29/9/2025 tại trường THCS Quyết Tiến, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện lãnh đạo

- Ông Lương Anh Khuong - Hiệu trưởng.
- Bà Nguyễn Thị Nhan - Phó hiệu trưởng

2. Đại diện bộ phận tài chính

- Bà Đoàn Phương Linh - Kế toán.

3. Đại diện bộ phận thanh tra

- Ông Lê Văn Hùng - Trưởng ban thanh tra nhân dân

Xác nhận việc thực hiện niêm yết các nội dung công khai các theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

4.1. Nội dung niêm yết công khai

- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
- Công khai thông tin về cơ sở vật chất
- Công khai thu - chi tài chính.

4.2. Địa điểm niêm yết công khai

- Niêm yết công khai tại bảng thông tin chung của nhà trường.
- Website.thcsquyettien.haiphong.edu.vn.

4.3. Thời gian niêm yết công khai

- Thực hiện niêm yết công khai trong thời gian 30 ngày, bắt đầu tính từ ngày 29/09/2025.

- Biên bản này đã được xác nhận và thống nhất thông qua bởi tất cả các thành viên tham dự.

- Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản lưu tại văn thư, 01 bản lưu tại bộ phận kế toán, 01 bản được niêm yết tại bản tin của trường./.

CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA

Đại diện lãnh đạo trường

.....
HIỆU TRƯỞNG
Lương Anh Khương

Đại diện bộ phận kế toán


.....
Phan...Thương...Linh

Đại diện bộ phận thanh tra


.....
Le...Văn...Hung